

Số: 683 /QĐ-UBND

Bắc Giang, ngày 28 tháng 6 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường
dự án “Kè hồ, khuôn viên cây xanh thị trấn Bích Động”**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 393/TTr-TNMT ngày 23/6/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án “Kè hồ, khuôn viên cây xanh thị trấn Bích Động” (sau đây gọi là dự án) của UBND thị trấn Bích Động (sau đây gọi là Chủ dự án) thực hiện tại thị trấn Bích Động, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang với các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức

1. Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện quy định tại Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 và Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

2. Sở Tài nguyên và Môi trường, Hội đồng thẩm định¹: Chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật về tính chính xác của các thông tin, số liệu trong hồ sơ đề nghị thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án; về kết quả thẩm định hồ sơ, tham mưu trình UBND tỉnh phê duyệt các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường của dự án tại Điều 1 Quyết định này đã đảm bảo theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường và pháp luật khác có liên quan.

¹ Thành lập theo Quyết định số 441/QĐ-TNMT ngày 23/5/2023 của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Thủ trưởng các cơ quan: Văn phòng UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Xây dựng, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Giao thông vận tải; UBND huyện Việt Yên; UBND thị trấn Bích Động và tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường (b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- CCBVMT thuộc Sở TN&MT (lưu h/s);
- UBND thị trấn Bích Động (*trả kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công*);
- Văn phòng UBND tỉnh:
 - + LĐVP (CVP, PCVP-PT), TH, KTN;
 - + Cổng thông tin điện tử tỉnh;
 - + Trung tâm Phục vụ hành chính công;
 - + Lưu: VT, MT.Toàn

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Lê Ô Pích

CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN
“KÈ HỒ, KHUÔN VIÊN CÂY XANH THỊ TRẤN BÍCH ĐỘNG”
(Kèm theo Quyết định số 683 /QĐ-UBND ngày 28 /6/2023
của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang)

1. Thông tin về dự án

1.1. Thông tin chung

- Tên dự án: Kè hồ, khuôn viên cây xanh thị trấn Bích Động
- Địa điểm thực hiện: Thị trấn Bích Động, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang.
- Chủ dự án: UBND thị trấn Bích Động.

1.2. Phạm vi, quy mô, công suất

* Phạm vi: Dự án được thực hiện tại thị trấn Bích Động, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang.

* Quy mô, công suất của dự án: Dự án được đầu tư xây dựng trên khu đất khoảng 6,9 ha, trong đó diện tích đất cần thu hồi 6,1 ha, bao gồm các hạng mục công trình xây dựng: Xây dựng 01 chòi nghỉ, diện tích xây dựng 283 m², diện tích sàn 268 m²; xây dựng 02 WC (khu vệ sinh), diện tích xây dựng 116 m², diện tích sàn 100 m²; xây dựng 01 cầu ra đảo, bề rộng cầu 5m; công trình phụ trợ: Cây xanh, bồn hoa cảnh quan, hồ nước, sân, đường dạo, bãi để xe; hạ tầng kỹ thuật, phụ trợ khác: Hệ thống cấp thoát nước hệ thống cấp điện, chiếu sáng ngoài nhà.

1.3. Các hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư

- Các hạng mục công trình của dự án đầu tư gồm: Xây dựng 01 chòi nghỉ, diện tích xây dựng 283 m², diện tích sàn 268 m²; xây dựng 02 WC (khu vệ sinh), diện tích xây dựng 116 m², diện tích sàn 100 m²; xây dựng 01 cầu ra đảo, bề rộng cầu 5m; công trình phụ trợ: Cây xanh, bồn hoa cảnh quan, hồ nước, sân, đường dạo, bãi để xe; hạ tầng kỹ thuật, phụ trợ khác: Hệ thống cấp thoát nước hệ thống cấp điện, chiếu sáng ngoài nhà.

- Hoạt động của dự án đầu tư:

+ Hoạt động thi công xây dựng các hạng mục công trình của dự án.

+ Hoạt động vận hành dự án.

1.4. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường

- Theo Nghị quyết số 30/NQ-HĐND ngày 04/10/2022 của HĐND tỉnh Bắc Giang về việc thông qua danh mục các dự án cần thu hồi đất; các dự án chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng vào các mục đích khác năm 2022 trên địa bàn tỉnh Bắc Giang thì dự án “Kè hồ, khuôn viên cây xanh thị trấn Bích Động” có tổng diện tích thu hồi đất để thực hiện dự án khoảng 6,1 ha, trong đó diện tích đất lúa khoảng 4,88 ha.

- Theo báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án “Kè hồ, khuôn viên cây xanh thị trấn Bích Động” thì tổng diện tích khu đất thực hiện dự án khoảng

6,9 ha, bao gồm: diện tích đất cần thu hồi 6,1 ha (trong đó diện tích đất có yêu cầu chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa từ 02 vụ trở lên khoảng 4,88 ha); diện tích còn lại 0,8 ha đã giao cho UBND thị trấn Bích Động quản lý.

2. Hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư có khả năng tác động xấu đến môi trường

2.1. Giai đoạn thi công, xây dựng

- Việc chiếm dụng đất: Dự án chiếm 6,9 ha đất, trong đó: diện tích đất lúa 4,88 ha; diện tích đất khác 2,02 ha.

- Hoạt động giải phóng mặt bằng: Tác động do hoạt động chuẩn bị mặt bằng.

- Hoạt động trong quá trình san lấp mặt bằng, thi công xây dựng:

+ Bụi phát sinh từ hoạt động đào đắp, san lấp mặt bằng công trình; từ hoạt động bốc dỡ, tập kết nguyên vật liệu. Khí thải phát sinh từ hoạt động của các máy móc, thiết bị thi công xây dựng; từ hoạt động vận chuyển nguyên vật liệu trong quá trình thi công xây dựng. Bụi, khí thải phát sinh từ quá trình hàn kim loại. Bụi, hơi nhựa đường phát sinh trong quá trình trải nhựa sân đường, bãi đỗ xe.

+ Nước thải sinh hoạt của công nhân thi công xây dựng trên công trường; nước thải thi công, xây dựng phát sinh chủ yếu từ hoạt động trộn, rửa nguyên vật liệu, vệ sinh các dụng cụ, máy móc, thiết bị thi công cơ giới phục vụ xây dựng (như: cuốc, xẻng, dao xây, thước xây, xô thùng đựng vật liệu, máy trộn bê tông...không dính dầu mỡ), nước rửa xe và nước mưa chảy tràn trên bề mặt dự án.

+ Chất thải rắn sinh hoạt của công nhân thi công xây dựng; đất đào hữu cơ; chất thải phát sinh từ hoạt động thu dọn mặt bằng; chất thải rắn xây dựng phát sinh do hoạt động thi công xây dựng dự án; chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình thi công, xây dựng.

- Tác động do rủi ro, sự cố tai nạn lao động; sự cố tai nạn giao thông; sự cố cháy nổ; các rủi ro, sự cố thiên tai,...

2.2. Giai đoạn vận hành dự án

- Hoạt động người dân đến dự án

+ Phát sinh nước thải, rác thải từ các hoạt động sinh hoạt của người dân đến dự án.

+ Phát sinh bụi, khí thải từ hoạt động giao thông; Mùi hôi phát sinh từ khu tập kết rác thải.

- Chất thải phát sinh từ quá trình duy tu, sửa chữa công trình hạ tầng kỹ thuật.

- Nước mưa chảy tràn kéo theo bụi, đất, cát và các chất lơ lửng vào nguồn nước mặt trong khu vực.

- Tác động do sự cố cháy nổ; sự cố về bão lụt; sự cố ngập úng; sự cố tắc/vỡ đường ống thu gom nước thải; sự cố đuổi nước...

3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của dự án đầu tư

3.1. Giai đoạn thi công, xây dựng

3.1.1. Nước thải, khí thải

* Nước thải:

- Nước thải sinh hoạt của công nhân thi công xây dựng phát sinh khoảng 1,6 m³/ngày đêm, với thông số ô nhiễm đặc trưng là BOD₅, tổng chất rắn lơ lửng (TSS), amoni, tổng Coliforms,...

- Nước thải thi công, xây dựng phát sinh chủ yếu từ hoạt động trộn, rửa nguyên vật liệu, vệ sinh các dụng cụ, máy móc, thiết bị thi công cơ giới (*như: cuốc, xẻng, dao xây, thước xây, xô thùng đựng vật liệu, máy trộn bê tông...không dính dầu mỡ*), nước rửa xe,... khoảng từ 2,1 đến 2,4 m³/ngày, với thông số ô nhiễm đặc trưng là chất rắn lơ lửng, BOD₅, COD, tổng dầu mỡ khoáng,...

- Nước mưa chảy tràn theo dòng chảy cuốn theo đất đá xuống các lưu vực sẽ gây bồi lắng ảnh hưởng đến chất lượng nước mặt trong khu vực, với thông số ô nhiễm đặc trưng là BOD₅, tổng chất rắn lơ lửng (TSS),...

* Bụi, khí thải:

- Bụi phát sinh từ hoạt động đào đắp, san lấp mặt bằng công trình; từ hoạt động bốc dỡ, tập kết nguyên vật liệu có thông số ô nhiễm đặc trưng là bụi.

- Khí thải phát sinh từ hoạt động của các máy móc, thiết bị thi công xây dựng; từ hoạt động vận chuyển nguyên vật liệu trong quá trình thi công xây dựng,..., với thông số ô nhiễm đặc trưng là CO, SO₂, NO₂,...

- Bụi, khí thải phát sinh từ quá trình hàn kim loại, với thông số ô nhiễm đặc trưng là CO, NO_x, khói hàn,...

- Bụi, hơi nhựa đường phát sinh trong quá trình trải nhựa sân đường, bãi đỗ xe, với thông số ô nhiễm đặc trưng là bụi, hơi hữu cơ.

3.1.2. Chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại

* Chất thải rắn thông thường:

- Chất thải rắn phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của công nhân thi công xây dựng khoảng 10 kg/ngày.

- Chất thải rắn phát sinh từ hoạt động thu dọn mặt bằng khoảng 01 tấn, với thành phần chủ yếu là cây bụi, cỏ,...

- Đất đào hữu cơ phát sinh khoảng 7.577 m³.

- Chất thải rắn phát sinh từ hoạt động thi công xây dựng khoảng 80 kg/ngày, với thành phần chủ yếu là gạch vỡ, cốp pha, sỏi, đá, cát, mẫu sắt thép, vỏ bao xi măng,...

* Chất thải nguy hại phát sinh từ hoạt động thi công xây dựng khoảng 220 kg/12 tháng, với thành phần chủ yếu là giẻ lau, găng tay dính dầu mỡ, dính sơn, vỏ thùng sơn, cặn sơn,...

3.1.3. Tiếng ồn, độ rung

- Tiếng ồn, độ rung phát sinh từ hoạt động của máy móc, thiết bị thi công, xây dựng; từ các phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu.

- Quy chuẩn áp dụng: QCVN 26:2010/BTNMT-Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2010/BTNMT-Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

3.1.4. Các tác động khác

- Tác động tới kinh tế - xã hội khu vực; tác động đến giao thông khu vực; tác động đến hệ thống thoát nước khu vực; đến hệ sinh thái, sản xuất nông nghiệp,...

- Tác động do rủi ro, sự cố do bom mìn còn sót lại; sự cố cháy nổ; sự cố tai nạn lao động; sự cố tai nạn giao thông; sự cố do thiên tai.

3.2. *Giai đoạn vận hành dự án*

3.2.1. Nước thải, khí thải

* Nước thải sinh hoạt phát sinh từ quá trình hoạt động của người dân đến dự án lớn nhất khoảng 2,5 m³/ngày, với thông số ô nhiễm đặc trưng là BOD₅, tổng chất rắn lơ lửng (TSS), tổng Coliforms,...

* Nước mưa chảy tràn kéo theo bụi, đất, cát và các chất lơ lửng vào nguồn nước mặt trong khu vực.

* Bụi, khí thải:

+ Khí thải phát sinh từ phương tiện giao thông ra vào dự án, với thông số ô nhiễm đặc trưng là CO, NO_x, SO₂,...

+ Mùi hôi phát sinh từ khu tập kết rác thải sinh hoạt, với thông số ô nhiễm đặc trưng là NH₃, H₂S, CH₄...

3.2.2. Chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại

* Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của người dân đến dự án khoảng 10 kg/ngày. Bùn thải từ các bể tự hoại phát sinh khoảng 4 m³/năm. Chất thải từ quá trình bảo dưỡng, duy tu công trình hạ tầng kỹ thuật: Bùn, cặn từ hoạt động nạo vét cống, rãnh thoát nước mưa, nước thải khoảng 1,7m³/6 tháng; từ hoạt động chặt tỉa cành cây khoảng 2 m³/năm (Sau 5 năm trồng cây mới phải cắt tỉa cành vào mùa mưa bão).

* Chất thải nguy hại từ hoạt động của dự án: Không phát sinh.

3.2.3. Tiếng ồn, độ rung

Tiếng ồn phát sinh không đáng kể từ hoạt động của phương tiện giao thông; từ khu vực công cộng.

3.2.4. Các tác động khác

- Tác động đến kinh tế - xã hội khu vực.

- Tác động do sự cố cháy nổ; sự cố về bão lụt; sự cố ngập úng; sự cố tắc/vỡ đường ống thu gom nước thải; sự cố đuối nước...

4. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường của dự án đầu tư

4.1. *Giai đoạn thi công, xây dựng*

4.1.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải, khí thải

4.1.1.1. Đối với thu gom và xử lý nước thải

* Nước thải sinh hoạt:

- Nước thải từ quá trình rửa, vệ sinh tay chân được thoát ra rãnh thoát nước, có hố ga lắng cặn để thu gom nước thải, sau đó đầu nối ra hệ thống thoát nước của khu vực.

- Trang bị 01 nhà vệ sinh di động có bể chứa chất thải, dung tích 2.500 lít để thu gom nước thải sinh hoạt của công nhân thi công xây dựng tại dự án; đồng thời, Chủ dự án hợp đồng với đơn vị có chức năng đến hút chất thải tại bể chứa chất thải mang đi xử lý theo quy định (tần suất 03 ngày/lần hoặc khi bể chứa đầy).

* Nước mưa chảy tràn:

- Xây dựng hệ thống thoát nước thi công và vạch tuyến phân vùng thoát nước mưa. Hệ thống cống rãnh thoát nước được thiết kế đảm bảo thoát nước tốt khi có mưa lớn. Các tuyến thoát nước mưa ngoài khu vực dự án đảm bảo tiêu thoát triệt để, không gây úng ngập trong suốt quá trình chuẩn bị mặt bằng và thi công xây dựng và không gây ảnh hưởng đến khả năng thoát thải của các khu vực bên ngoài.

- Tạo rãnh đất, chiều rộng 1m, chiều sâu 1m và bố trí hố lắng, kích thước 2mx2mx1,5m, cứ 50m bố trí 1 hố lắng, nước mưa được thu gom vào hệ thống rãnh đất và hố lắng trước khi chảy ra môi trường tiếp nhận.

- Thường xuyên kiểm tra rãnh thoát nước, nạo vét bùn tại các hố lắng để tránh nguy cơ gây ngập úng (tần suất 01 lần/tháng).

* Nước thải thi công, xây dựng:

- Quy hoạch thành một khu chứa và trộn nguyên vật liệu trong suốt quá trình thi công. Sử dụng tỷ lệ nước phối trộn vật liệu vừa đủ, hạn chế rò rỉ nước ra ngoài môi trường, đồng thời tiết kiệm nguồn nước.

- Đối với nước thải phát sinh từ hoạt động rửa nguyên vật liệu; vệ sinh các dụng cụ, máy móc, thiết bị thi công cơ giới phục vụ xây dựng (*như: cuốc, xẻng, dao xây, thước xây, xô thùng đựng vật liệu, máy trộn bê tông...không dính dầu mỡ*): Bố trí 03 thùng phuy dung tích 200 lít/thùng phục vụ chứa nước thải từ hoạt động rửa nguyên vật liệu; vệ sinh dụng cụ, máy móc, thiết bị, sau đó nước thải này được tận dụng cho công tác phối trộn vữa, bê tông,...hoặc đập bụi tại chỗ khu vực thi công, không thoát ra hệ thống thoát nước chung của khu vực.

- Đối với nước thải phát sinh từ hoạt động rửa xe: Chủ dự án bố trí bãi rửa xe tại khu vực công trường để rửa thành xe, bánh xe tránh đất kéo từ khu vực dự án ra đường giao thông bên ngoài (bãi rửa xe có diện tích 20m², nền được lu lèn chặt, trải lớp đá dăm có chiều dày 5cm), xung quanh bãi rửa xe tạo rãnh thu gom (rãnh đất, kích thước 15m x 0,3m x 0,2 m) để thu gom toàn bộ nước thải từ quá trình rửa xe về 01 bể lắng, dung tích 8 m³ để xử lý. Nước thải sau xử lý được tuần hoàn sử dụng lại phục vụ quá trình rửa xe, không xả thải ra môi trường.

4.1.1.2. Đối với xử lý bụi, khí thải

- Các phương tiện vận chuyển nguyên, nhiên liệu,... khi tham gia giao thông có các tấm bạt che phủ kín nhằm hạn chế tối đa các tác động do bụi rơi vãi và khuyếch tán vào môi trường không khí.

- Bố trí các xe chở nước phun ẩm công trường thi công vào các ngày trời khô hanh, nắng nóng, với tần suất 04 lần/ngày.

- Tất cả các phương tiện vận tải tham gia vận chuyển, máy xúc, máy ủi đều được kiểm tra định kỳ đạt tiêu chuẩn của cơ quan đăng kiểm có thẩm quyền về mức độ an toàn môi trường mới được phép hoạt động. Thường xuyên kiểm tra và bảo trì các phương tiện vận chuyển, máy xúc, máy ủi đảm bảo tình trạng kỹ thuật tốt.

- Thường xuyên bố trí công nhân đi thu dọn đất, cát, vật liệu rơi vãi trên đường để hạn chế việc phát tán bụi ảnh hưởng đến môi trường xung quanh.

- Trang bị bảo hộ lao động (như: khẩu trang, găng tay, kính mắt,...) cho công nhân làm việc tại các khu vực có khả năng phát sinh ô nhiễm không khí và tuyệt đối tuân thủ các quy định về an toàn lao động khi thi công.

- Phun nước tưới ẩm tần suất trung bình 02 lần/ngày, đặc biệt khi thời tiết khô hanh nắng nóng, tăng tần suất tưới nước dọc tuyến đường vận chuyển 04 lần/ngày bằng xe phun nước trong bán kính khoảng 1,0 km tính từ vị trí dự án.

- Lắp đặt hàng rào tôn cao 2m che chắn xung quanh khu vực dự án để cách ly và giảm thiểu tác động của bụi tới môi trường xung quanh dự án.

- Trong quá trình hàn cắt kim loại che chắn bằng các vật liệu không cháy hoặc di chuyển các vật liệu dễ cháy ra khỏi khu vực hàn cắt (*tối thiểu 10m*). Không để vảy hàn có nhiệt độ cao tiếp xúc với các vật liệu dễ cháy, nổ. Đồng thời, trang bị các thiết bị an toàn lao động cá nhân cho công nhân làm việc (*như: mũ, mặt nạ, quần áo bảo hộ lao động,...*).

- Đối với bụi, hơi nhựa đường phát sinh trong quá trình trải nhựa sân đường, bãi đỗ xe:

+ Trước khi thực hiện công tác thổi bụi để trải bê tông nhựa nóng (BTNN): Nhà thầu thi công yêu cầu công nhân tiến hành quét dọn bề mặt, thu dọn bùn đất rơi vãi và thực hiện nhanh, gọn, hạn chế vào những ngày gió lớn. Khi thi công thổi bụi chọn thời điểm thích hợp ít người qua lại; ít ảnh hưởng đến nhà dân. Thổi bụi xuôi theo hướng gió và đúng kỹ thuật để giảm tối đa khả năng phát tán bụi ra xa. Dựng hàng rào chắn công trường thi công để giảm khả năng phát tán bụi. Trang bị bảo hộ lao động cho công nhân thi công. Về phía khu dân cư không thổi bụi vào những ngày, những giờ có gió để hạn chế sự phát tán bụi ra xa gây ảnh hưởng đến sức khỏe của người dân. Về phía giao thông khu vực, không thổi bụi vào những giờ cao điểm có mật độ người tham gia giao thông đông đúc.

+ Thực hiện các giải pháp kỹ thuật trong thi công như: Tưới ẩm nhiều lần cho tầng móng liên tục trong vài ngày trước khi trải nhựa; khi thi công qua khu

vực gần khu đông dân cư cần hạn chế việc thổi bụi với công suất lớn mà thổi với công suất nhỏ, từ từ; tiến hành phun nước khoan vùng để hạn chế bụi khuếch tán rộng.

+ Toàn bộ bê tông asphalt đều được cung ứng từ các trạm trộn trên địa bàn tỉnh Bắc Giang, tại vị trí thực hiện dự án không bố trí trạm trộn, do đó hạn chế đáng kể tác động do hơi hữu cơ từ asphalt nóng sinh ra tác động đến môi trường không khí khu vực và xung quanh.

+ Sử dụng công nghệ trải thảm bê tông nhựa nóng được cơ quan chuyên ngành thẩm định và phê duyệt. Làm sạch, bằng phẳng và làm khô mặt lớp móng, tưới nhựa thấm bám trên lớp mặt móng trước khi tiến hành rải lớp bê tông nhựa nóng. Trang bị khẩu trang phòng độc, kính phòng hộ bảo vệ mắt, găng tay, mũ, quần áo bảo hộ cho công nhân. Tránh thi công trải nhựa đường vào các giờ cao điểm nhằm giảm ảnh hưởng mùi, nhiệt trong quá trình thi công đến người dân gần khu vực dự án.

4.1.2. Các công trình, biện pháp quản lý chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại

4.1.2.1. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường

* Chất thải rắn sinh hoạt: Bố trí 02 thùng chứa rác có nắp đậy, dung tích 100 lít/thùng, đặt tại khu vực lán trại của công nhân để thu gom, lưu giữ chất thải; đồng thời, Chủ dự án hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định (tần suất 02 ngày/lần).

* Chất thải rắn thi công, xây dựng:

- Chất thải từ quá trình thu dọn mặt bằng được thu gom, vận chuyển đến vị trí bãi đổ thải của dự án.

- Đất đào hữu cơ khoảng 7.577 m³, trong đó: khoảng 7.077 m³ được phơi khô để tận dụng làm vật liệu san lấp tại dự án; khoảng 500 m³ được tận dụng để đổ vào các khuôn viên, khu đất trồng cây xanh trong phạm vi dự án, không vận chuyển đi đổ thải. Chủ dự án phải thực hiện các quy định của pháp luật về khoáng sản và pháp luật khác có liên quan trước khi tận dụng đất phơi khô làm vật liệu san lấp tại dự án.

- Đối với chất thải rắn phát sinh từ hoạt động thi công, xây dựng được phân loại và xử lý như sau:

+ Các chất thải có thể tái sử dụng (như: sắt, thép,...), được bán cho đơn vị có chức năng để tái chế, tái sử dụng.

+ Các loại chất thải (như: bê tông, gạch vỡ) được đập nhỏ tận dụng lại để san nền tại dự án.

+ Các loại chất thải (như: cốp pha, ván khuôn,...) được Chủ dự án tận dụng tối đa cho hoạt động thi công xây dựng công trình và tận dụng cho các công trình khác.

+ Các loại chất thải còn lại không tái sử dụng được sẽ vận chuyển đến vị trí bãi đổ thải của dự án (tần suất 01 tuần/lần).

Vị trí bãi đổ thải của dự án: Tại khu đất dự kiến xây dựng Nghĩa trang Tăng Quang, thuộc Tổ dân phố Dục Quang, thị trấn Bích Động, huyện Việt Yên, với diện tích khu đất khoảng 5.000m²; chiều cao cho phép đổ thải từ 2,5-3m; cự ly vận chuyển 2km.

4.1.2.2. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại

Bố trí 04 thùng có nắp đậy, có dung tích 200 lít để thu gom, lưu trữ tạm thời chất thải nguy hại (CTNH). Mỗi thùng chứa CTNH được dán nhãn tên, mã CTNH theo quy định.

Sau khi hoàn thiện việc xây dựng, Chủ dự án hợp đồng với đơn vị có chức năng vận chuyển, xử lý chất thải nguy hại theo quy định.

4.1.3. Công trình, biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung

- Hạn chế vận hành đồng thời nhiều các thiết bị gây ồn: Nhà thầu xây dựng bố trí thời gian và sắp xếp các hoạt động thi công hợp lý nhằm hạn chế việc diễn ra đồng thời các hoạt động gây ồn để giảm mức ồn tổng số.

- Các máy móc gây tiếng ồn lớn (như: máy gạt, máy xúc, máy ủi,...) không được vận hành vào ban đêm (sau 20 giờ) để tránh ảnh hưởng đến sinh hoạt của công nhân và cuộc sống sinh hoạt thường ngày của nhân dân cạnh khu vực thi công.

- Không sử dụng cùng một lúc nhiều máy móc, thiết bị thi công gây độ ồn lớn để tránh tác động cộng hưởng của tiếng ồn.

- Không sử dụng các thiết bị, máy móc cũ, lạc hậu có khả năng gây ồn cao. Máy móc, thiết bị đều phải được kiểm định đạt tiêu chuẩn. Thường xuyên duy tu, bảo dưỡng các thiết bị, máy móc đảm bảo hoạt động hiệu quả.

- Trang bị bảo hộ lao động cho công nhân làm việc (như: nút tai, bao tai...).

- Kiểm tra mức ồn, rung trong quá trình xây dựng, từ đó đặt ra lịch thi công phù hợp để đạt mức ồn tiêu chuẩn cho phép theo các quy chuẩn hiện hành.

- Chống rung bằng việc hạn chế số lượng thiết bị thi công, đồng thời bố trí cự ly của các thiết bị có cùng độ rung để tránh cộng hưởng.

4.1.4. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác

- Thuê đơn vị có chức năng rà phá bom mìn trước khi tiến hành san lấp và xây dựng.

- Lập đội kiểm tra an toàn lao động và vệ sinh môi trường tại công trường để nhắc nhở công nhân tuân thủ các quy định an toàn lao động và vệ sinh môi trường.

- Phổ biến cho tất cả các cán bộ, công nhân thi công trên công trường hiểu biết về nội quy lao động và an toàn lao động, thường xuyên nhắc nhở đôn đốc công nhân thực hiện đúng nội quy.

- Trang bị cho công nhân thi công các thiết bị, máy móc và trang thiết bị bảo hộ lao động đầy đủ (như: quần áo, nón bảo hộ lao động, khẩu trang,...).

- Đặt các biển cảnh báo cho người dân trong vùng biết công trường đang thi công, khu vực xe ra vào thường xuyên để người dân cảnh giác, tránh gây các trường hợp tai nạn giao thông xảy ra.

- Thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng các thiết bị vận tải để các phương tiện luôn hoạt động trong trạng thái tốt nhất. Các xe tải vận chuyển nguyên liệu luôn trong tình trạng hoạt động tốt, không bị hư hỏng phanh xe, lốp xe, còi,....

- Công nhân trực tiếp làm việc tại công trường được tập huấn, hướng dẫn các phương pháp phòng, chống cháy nổ.

- Xây dựng nội quy phòng cháy, chữa cháy và kế hoạch ứng cứu sự cố cháy nổ. Hạn chế các nguồn dễ phát sinh cháy, nổ (như: lửa, chập điện, hàn điện, đun nấu tại công trường, hút thuốc...). Trang bị các phương tiện chữa cháy tại các kho (bình bọt, bình CO₂, cát,...).

- Xây dựng, rà soát, phê duyệt phương án ứng phó thiên tai theo quy định; tổ chức diễn tập phương án ứng phó thiên tai; chuẩn bị đầy đủ lực lượng, vật tư, phương tiện, trang thiết bị, nhu yếu phẩm phù hợp với phương án ứng phó thiên tai được phê duyệt.

- Sử dụng các máy bơm công suất lớn để bơm nước tại vị trí ngập ứng thoát ra khu vực lân cận chưa bị ngập úng.

- Kiểm tra các mương rãnh, phát hiện ách tắc lập tức khơi thông mương rãnh ở vị trí đó để tăng khả năng thoát nước.

4.2. Giai đoạn vận hành dự án

4.2.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải, khí thải:

4.2.1.1. Đối với thu gom và xử lý nước thải

* Nước thải sinh hoạt

- Đối với nước thải sinh hoạt phát sinh từ khu vực dự án:

Xây dựng 02 bể tự hoại 3 ngăn cho 2 khu vệ sinh công cộng (bể tự hoại có dung tích 4,8 m³/bể). Định kỳ 01 tháng/lần bổ sung các chế phẩm E.M để tăng cường hiệu quả xử lý của bể tự hoại; đồng thời, đơn vị được giao quản lý dự án hợp đồng với đơn vị có chức năng đến hút bùn cặn tại bể tự hoại đem đi xử lý theo đúng quy định (tần suất 01 năm/lần).

Nước thải sinh hoạt sau khi xử lý tại bể tự hoại đảm bảo đạt QCVN 14:2008/BTNMT, cột B được dẫn ra hệ thống thoát nước chung của khu vực.

Sau khi Trạm xử lý nước thải tập trung của huyện Việt Yên được hoàn thiện (công suất dự kiến 5.000 m³/ngày đêm), nước thải tại dự án được dẫn về Trạm xử lý này theo quy hoạch chung của huyện Việt Yên (dự kiến đặt tại thị trấn Bích Động) để tiếp tục xử lý đạt QCVN 14:2008/BTNMT, cột A trước khi xả thải ra môi trường.

* Nước mưa chảy tràn:

- Hệ thống thoát nước mưa được thiết kế theo nguyên tắc tự chảy. Hệ thống thoát nước mưa thiết kế riêng biệt hoàn toàn với hệ thống thoát nước thải.

- Hướng thoát nước mưa: Hướng thoát nước từ khu đất gom theo các tuyến cống thoát nước mưa trên các tuyến đường gom nội bộ công trình chảy về hướng hồ, dọc theo trục quy hoạch có sẵn.

- Nước mưa của khu vực giáp ranh phía Bắc dự án được thu về hồ bằng cống B1500; của khu vực giáp ranh phía Tây dự án được thu về hồ bằng cống B2000 và của khu vực giáp ranh phía Nam dự án được thu về hồ bằng cống D1000. Nước từ hồ được xả tràn thoát vào cống hiện trạng BxH = 2,5m x 2,3m ở phía Đông dự án, sau đó ra hệ thống thoát nước chung của khu vực.

4.2.1.2. Đối với xử lý bụi, khí thải

- Chủ dự án thiết kế, quy hoạch diện tích vườn hoa cây xanh phù hợp nhằm tạo cảnh quan cho khuôn viên dự án và giảm thiểu các tác động của khí thải, tiếng ồn từ hoạt động giao thông trong khu vực. Cây xanh có tác dụng hấp thụ giảm tiếng ồn, sóng âm, giữ lại bụi, điều hòa không khí, cũng như tạo mỹ quan đẹp cho khu vực dự án.

- Toàn bộ mặt bằng sân, đường được trải nhựa hoặc bê tông hóa.

4.2.2. Các công trình, biện pháp quản lý chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại

4.2.2.1. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường

* Chất thải rắn sinh hoạt:

- Bố trí khoảng 10 thùng đựng rác có nắp đậy, dung tích 100 lít/thùng để người dân đến sinh hoạt tại dự án thuận tiện bỏ rác; đồng thời, đơn vị được giao quản lý dự án hợp đồng với đơn vị có chức năng vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt tại các thùng chứa mang đi xử lý theo quy định (tần suất 03 ngày/lần).

- Đối với bùn thải từ các bể tự hoại: Đơn vị được giao quản lý dự án hợp đồng với đơn vị có chức năng đến hút và đem đi xử lý theo quy định (tần suất 01 năm/lần).

* Chất thải rắn phát sinh từ quá trình duy tu bảo dưỡng công trình hạ tầng kỹ thuật:

Các loại chất thải rắn (như: bùn cặn, cây cối): Đơn vị được giao quản lý dự án hợp đồng với đơn vị có chức năng đến thu gom và vận chuyển đi xử lý theo quy định (tần suất 06 tháng/lần đối với bùn cặn; đối với cây cối: Khi phát sinh).

4.2.2.2. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại: Không phát sinh.

4.2.3. Công trình, biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung

Trồng cây xanh xung quanh dự án, cây xanh có tác dụng hấp thụ tiếng ồn, chặn sự di chuyển của chất ô nhiễm từ đường giao thông bên cạnh tới dự án, đồng thời tạo cảnh quan đẹp, điều tiết vi khí hậu khu vực.

4.2.4. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác

- Thiết kế bể nước mái (dung tích tối thiểu 2 m³/bể) dành cho mỗi nhà vệ sinh công cộng, đảm bảo bể dự trữ được lượng nước phòng cháy, chữa cháy cho khu vực dự án.

- Thi công đường ống thu gom nước thải theo đúng thiết kế, đảm bảo sử dụng hợp lý các loại đường ống và phụ tùng đường ống theo áp lực nước thải cần thu gom.

- Thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng các hạng mục trong hệ thống thu gom nước thải, nhằm kịp thời phát hiện các khu vực xuống cấp, rạn nứt cần được tu sửa hoặc xây mới.

- Tuân thủ các phương án quy hoạch, đảm bảo cao độ nền và xây dựng hệ thống mương rãnh đảm bảo tiêu thoát nước tự nhiên khi mưa to kéo dài.

- Thường xuyên nạo vét hệ thống cống rãnh, khơi thông dòng chảy để tăng khả năng tiêu thoát úng, thoát nước cho hệ thống này trong mùa mưa bão (tần suất 06 tháng/lần).

- Bố trí biển cảnh báo độ sâu và cảnh báo nguy hiểm,... tại các khu vực quanh hồ; bờ hồ được kè mái và cầu ra đảo có lan can theo tiêu chuẩn kỹ thuật, đảm bảo an toàn.

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của dự án đầu tư

5.1. Giai đoạn thi công, xây dựng (thuộc trách nhiệm của Chủ dự án)

** Không khí làm việc*

- Vị trí giám sát: 01 vị trí tại khu vực đang xây dựng.

- Thông số giám sát: Bụi toàn phần, SO₂, NO₂, CO, tiếng ồn, độ rung.

- Tần suất giám sát: 01 lần trong giai đoạn thi công.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 02:2019/BYT; QCVN 03:2019/BYT; QCVN 26:2016/BYT; QCVN 24:2016/BYT; QCVN 27:2016/BYT.

Các tiêu chuẩn, quy chuẩn được sử dụng để so sánh đánh giá chất lượng môi trường trong chương trình giám sát nêu trên là những tiêu chuẩn, quy chuẩn hiện hành phù hợp với thời điểm quan trắc, giám sát theo quy định.

6. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác

- Thực hiện trách nhiệm của Chủ dự án theo quy định tại Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và các quy định khác về trách nhiệm của Chủ dự án sau khi báo cáo đánh giá tác động môi trường được phê duyệt kết quả thẩm định trước khi đưa dự án vào hoạt động chính thức theo quy định.

- Thực hiện đúng các giải pháp bảo vệ môi trường đã nêu trong báo cáo đánh giá tác động môi trường được phê duyệt kết quả thẩm định, tổ chức thu gom, xử lý toàn bộ các loại chất thải.

- Hoàn thành xây dựng, vận hành các công trình, thiết bị xử lý chất thải phát sinh đảm bảo xử lý đạt tiêu chuẩn, quy chuẩn hiện hành trước khi xả thải ra môi trường; thực hiện các biện pháp giảm thiểu ô nhiễm khí thải và tiếng ồn đảm bảo các quy định về an toàn và vệ sinh môi trường.

- Tuân thủ nghiêm ngặt các quy định về ứng cứu sự cố và các quy định khác của pháp luật trong toàn bộ các hoạt động của dự án.

- Trong quá trình thực hiện, nếu dự án có những thay đổi so với báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt kết quả thẩm định, Chủ dự án phải có văn bản báo cáo và chỉ được thực hiện những thay đổi sau khi có văn bản chấp thuận của cơ quan phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường.

- Các nội dung khác: Chi tiết tại Tờ trình số 393/TTr-TNMT ngày 23/6/2023 của Sở Tài nguyên và Môi trường và nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án.